PART 6: DANH ĐỘNG TỪ (V_ING) VÀ ĐỘNG TỪ NGUYÊN THỂ (TO + VO)

1. Danh động từ (V-ing)

- Là hình thức động từ thêm -ing và được dùng như một danh từ. Danh động từ có thể làm:

a. Chủ ngữ của câu

- Dùng như một danh từ số ít

Ex:

- **Swimming** is very relaxing. (Bơi lội giúp thư giãn)
- **Speaking English fluently** is a very difficult task. (Nói tiếng anh thành thạo là một việc rất khó khăn)
- **Playing football** is my interest. (Chơi bóng đá là sở thích của tôi)

Bài tập.

Sử dụng từ vựng được cho sẵn hãy viết hoàn chỉnh những câu dưới đây.

1. Tham gia vào các hoạt động tình nguyện giúp sinh viên trải nghiệm cuộc sống thực tế.

- take part in: tham gia vào
- voluntary (adj) tình nguyện
- help sb to do sth: giúp ai đó làm gì đó
- experience = sample (t) trải nghiệm
- practical (adj) thực tế

_____

_____

2. Đi du lịch vòng quanh thế giới sẽ giúp tôi hiểu được nhiều nền văn hóa khác nhau.

- travel (i) du lịch
- culture (c) nền văn hóa

_____

LIVEWORKSHEETS

_____

3. Hoàn thành công việc này nhanh chóng là trách nhiệm của tất cả thành viên trong dự án.

- complete (t) hoàn thành
- project member (c) thành viên dự án
- responsibility (c/u) trách nhiệm

_____

_____

b. Tân ngữ của động từ

Sau động từ to be và một số động từ thường khác (avoid, stop, enjoy, dislike, finish….) chúng ta có thể dùng V-ing như một tân ngữ trực tiếp.

- His favourite is **travelling around the world.** (Sở thích của anh ấy là du lịch vòng quanh thế giới)
- I enjoy **taking part in outdoor activities.** (Tôi thích tham gia vào các hoạt động ngoài trời)

Bài tập

Sử dụng từ vựng được cho sẵn hãy viết hoàn chỉnh những câu dưới đây.

1. Nhiệm vụ chính của chúng ta là duy trì sự ổn định kinh tế của khu vực này.

- main (adj) chính
- stability (u) sự ổn định
- task (c) nhiệm vụ
- economic (adj) kinh tế
- maintain (t) duy trì

_____

_____

2. Mọi người nên tránh giao tiếp với những người lạ trong giai đoạn này.

- avoid (t) tránh
- stranger (c) người lạ
- communicate (i) giao tiếp
- period (c) giai đoạn

_____

LIVEWORKSHEETS